

Chứng nhận công bố môi trường sản phẩm (EPD)

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 1/3

GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG BỐ MÔI TRƯỜNG SẢN PHẨM

Số 2023-188.

1. Doanh nghiệp: The One Chemical International Co., Ltd.
2. Mã đăng ký doanh nghiệp: 131-86-51471.
3. Trụ sở: A2005, Heungdeok IT Valley, 13 Heungdeok 1-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc (Yeongdeok-dong).
4. Nhà máy: 37-15 Maengdong Sandan-ro, Maengdong-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc.
5. Người đại diện: Cho Seong-yong.
6. Nhóm sản phẩm: chất giảm bụi.
7. Tên sản phẩm: ECOPOSENC-AD.
8. Thời hạn chứng nhận trong bản gốc: 28/04/2023–27/04/2026.
9. Nội dung: công bố môi trường sản phẩm (phụ lục).

Chứng nhận theo Điều 20 khoản 3 Luật Hỗ trợ công nghệ và công nghiệp môi trường Hàn Quốc và Điều 40 khoản 3 quy tắc thi hành. Ngày cấp: 28/04/2023. Cơ quan cấp: Viện Công nghệ và Công nghiệp Môi trường Hàn Quốc (KEITI).

Thời hạn ghi trong bản được cung cấp đã kết thúc trước ngày 06/10/2026. Hồ sơ này chưa có chứng nhận gia hạn.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

제 2023-188 호

환경성적표지 인증서

1. 상 호 명 : 더원케미칼인터내셔널(주)
2. 사업자등록번호 : 131-86-51471
3. 소 재 지 : 경기도용인시기흥구흥덕1로13,흥덕II밸리A동2005호(영덕동)
4. 공 장 소 재 지 : 충청북도 음성군 맹동면 맹동산단로 37-15
5. 대 표 자 성 명 : 조성용
6. 대 상 제 품 : 먼지역제제
7. 제 품 명 : ECOPOSENC-AD
8. 인 증 기 간 : 2023년 04월 28일 ~ 2026년 04월 27일
9. 인 증 내 용 : 환경성적표지(별첨)

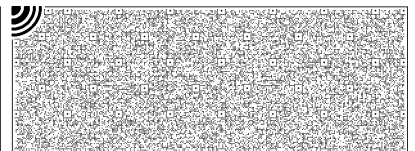
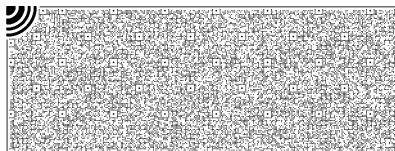
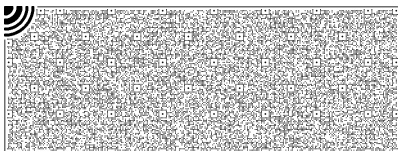
「환경기술 및 환경산업 지원법」 제20조제3항 및 같은 법 시행규칙 제40조제3항에 따라 위와 같이 환경성적표지를 인증합니다.

2023년 04월 28일

한국환경산업기술원



본



Chứng nhận công bố môi trường sản phẩm (EPD)

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 2/3

Phụ lục 1 — số 2023-188

Kết quả môi trường sản phẩm. Thứ tự cột: trước sản xuất | sản xuất | sử dụng | thải bỏ | tổng.
Dấu “-” được giữ như bản gốc.

Dấu chân tài nguyên (kg Sb-eq./sản phẩm): 3.32E-01 | 6.06E-03 | - | 6.32E-04 | 3.38E-01.

Dấu chân carbon (kg CO₂-eq./sản phẩm): 4.47E+01 | 9.58E-01 | - | 3.16E-01 | 4.60E+01.

Tác động tầng ozone (kg CFC-11-eq./sản phẩm): 6.34E-04 | 7.63E-04 | - | 1.04E-08 | 1.40E-03.

Axit hóa (kg SO₂-eq./sản phẩm): 2.24E-01 | 8.61E-04 | - | 3.67E-04 | 2.26E-01.

Phú dưỡng (kg PO₄³⁻-eq./sản phẩm): 3.42E-02 | 2.84E-04 | - | 8.97E-04 | 3.54E-02.

Tạo ozone quang hóa (kg C₂H₄-eq./sản phẩm): 8.49E-02 | 9.85E-04 | - | 7.55E-05 | 8.59E-02.

Dấu chân nước (m³ H₂O-eq./sản phẩm): 7.13E-02 | 8.56E-03 | - | 1.41E-04 | 8.00E-02.

Thông tin sản phẩm: nhóm vật liệu không chịu tải; The One Chemical International Co., Ltd.;
địa chỉ nhà máy 37-15 Maengdong Sandan-ro, Eumseong-gun; ECOPOSENC-AD; ghi chú: cấp lần đầu.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

[별첨1]

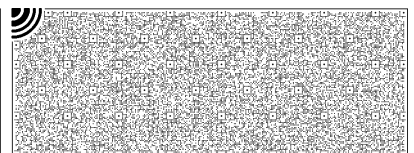
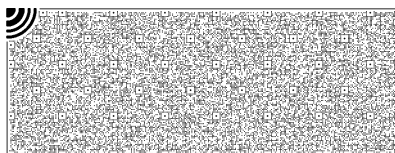
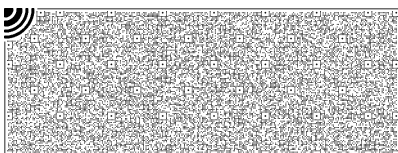
제 2023-188 호

○ 환경성적표지 인증제품 환경성적

환경영향범주	제조전단계	제조단계	사용단계	폐기단계	총 값
자원발자국 (kg Sb-eq./개)	3.32E-01	6.06E-03	-	6.32E-04	3.38E-01
탄소발자국 (kg CO ₂ -eq./개)	4.47E+01	9.58E-01	-	3.16E-01	4.60E+01
오존층영향 (kg CFC-11-eq./개)	6.34E-04	7.63E-04	-	1.04E-08	1.40E-03
산성비 (kg SO ₂ -eq./개)	2.24E-01	8.61E-04	-	3.67E-04	2.26E-01
부영양화 (kg PO ₄ ³⁻ -eq./개)	3.42E-02	2.84E-04	-	8.97E-04	3.54E-02
광화학스모그 (kg C ₂ H ₄ -eq./개)	8.49E-02	9.85E-04	-	7.55E-05	8.59E-02
물발자국 (m ³ H ₂ O-eq./개)	7.13E-02	8.56E-03	-	1.41E-04	8.00E-02

○ 환경성적표지 인증제품 정보

구분	기업명	공장소재지	제품명	비고
비내구재	더원케이칼인터내셔널(주)	충청북도 음성군 맹동면 맹동산단로 37-15	ECOPOSENC-AD	최초



Chứng nhận công bố môi trường sản phẩm (EPD)

Bản dịch tiếng Việt · Trang gốc 3/3

Điều khoản chứng nhận EPD

KEITI (“cơ quan chứng nhận”) và doanh nghiệp được chứng nhận phải tuân thủ các điều sau. EPD theo ISO 14025 là hệ thống định lượng tác động vòng đời từ nguyên liệu đến thải bỏ. Bảy nhóm tác động gồm carbon, tài nguyên, ozone, axit hóa, phú dưỡng, ozone quang hóa, nước. Dấu chân carbon phân thành công bố carbon giai đoạn 1 và chứng nhận carbon thấp giai đoạn 2. Bản gốc mô tả hiệu lực tương đương International EPD, EPD Đức, Na Uy, Mỹ, Eco-leaf Nhật và EPD Đài Loan.

Điều 1: quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản giữa doanh nghiệp và cơ quan chứng nhận.

Điều 2: áp dụng cho nội dung chứng nhận EPD ghi trong chứng thư.

Điều 3: tuân thủ pháp luật; sản xuất theo nội dung chứng nhận; duy trì sản xuất và quản lý môi trường; gắn biểu trưng theo hướng dẫn; phối hợp kiểm tra định kỳ/đặc biệt; báo cáo thay đổi người đại diện, tên, địa chỉ nhà máy, cơ cấu, mục đích, dung lượng, công dụng, thành phần/nguyên liệu, nơi sản xuất, thiết bị và quy trình; ngừng dùng biểu trưng trên cơ sở đóng cửa hoặc bị thu hồi.

Điều 4: tuân thủ hướng dẫn biểu trưng và quy định sử dụng. Có thể dùng trong giới thiệu sản phẩm, bao bì, vật chứa, tài liệu quảng bá và quảng cáo cho sản phẩm được chứng nhận. Khi dùng cùng biểu trưng phải nêu rõ sản phẩm được chứng nhận để tránh nhầm với sản phẩm khác.

Điều 5: cơ quan chứng nhận không được tiết lộ bí mật thu được trong công việc, kể cả sau chấm dứt chứng nhận; thông tin đã công bố hợp pháp hoặc thu thập hợp pháp ngoài công việc được loại trừ.

Điều 6: chứng nhận chỉ áp dụng cho đúng sản phẩm được cấp, không cho toàn bộ sản phẩm của doanh nghiệp.

Điều 7: doanh nghiệp cung cấp mẫu theo yêu cầu để xác minh các công bố môi trường; khi khó nộp mẫu do vật liệu, tính chất hoặc giá, có thể nộp bản mô tả minh họa thay thế.

Điều 8: nếu biểu trưng/hướng dẫn thay đổi do hướng dẫn lập EPD hoặc Luật Bảo vệ người tiêu dùng, cơ quan chứng nhận có thể thông báo thay đổi.

Điều 9: muốn gia hạn phải nộp đơn từ 90 ngày trước ngày hết hạn.

Điều 10: báo cáo thay đổi trong 30 ngày và nộp yêu cầu thay đổi hoặc cấp lại; doanh nghiệp chịu chi phí.

Điều 11: có thể yêu cầu sửa khi dùng khác nội dung chứng thư, biểu trưng sai hướng dẫn, không tuân thủ Điều 3, không sửa thông tin sai gây nhầm hoặc quảng cáo có nguy cơ gây nhầm. Có thể thu hồi khi chứng nhận được lấy không hợp lệ, gắn EPD lên sản phẩm khác, hoặc không phân phối sản phẩm trên một năm mà không có lý do bất khả kháng. Tuân thủ quy định pháp luật, gồm Điều 34 về thu hồi và báo cáo đình chỉ sử dụng, nếu có.

Điều 12: khi hết hạn hoặc bị thu hồi, không dùng hiển thị/quảng cáo gây nhầm rằng sản phẩm vẫn được chứng nhận; nếu gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng.

Điều 13: doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tranh chấp tiêu dùng liên quan sản phẩm được chứng nhận.

Điều 14: không chuyển nhượng, thế chấp hoặc tái cấp quyền sử dụng EPD cho bên thứ ba.

Điều 15: các vấn đề không quy định được giải quyết bằng thỏa thuận và quy chế nghiệp vụ; khi khác ý kiến, tôn trọng ý kiến cơ quan chứng nhận. Bản dịch tham khảo; nguyên bản kèm theo là nguồn đối chiếu.

Bản dịch tham khảo, không phải chứng thư do cơ quan thử nghiệm/chứng nhận cấp. Trang gốc được đính kèm ngay sau phần dịch của từng trang. Số liệu, phạm vi, thời hạn và điều kiện theo tài liệu gốc; không suy rộng thành hiệu năng ở mọi hiện trường.

환경성적표시 인증 약관

한국환경산업기술원(이하 “인증기관”이라 한다)과 환경성적표시 인증을 받은 자(이하 “인증기업”이라 한다)는 다음 각 조의 사항을 준수하여야 한다.

환경성적표시는 국제표준 ISO 14025(Environmental labels and declarations-Type III environmental declarations-Principles and procedures)에 근거하여 한국정부(환경부)에서 공식적으로 운영하고 있는 환경성선언 제도이다. 환경성적표시는 제품 및 서비스의 원료채취, 생산, 수송·유통, 사용, 폐기 등의 모든 과정에 대한 환경영향을 계량적으로 표시하여 라벨 형태로 제품에 부착하는 제도이다. 환경성적표시 제도는 탄소발자국(기후변화에 미치는 영향), 물발자국(수질 및 수자원에 미치는 영향), 자원발자국(폐기물발생 및 자원순환에 미치는 영향), 오존층영향(대기질에 미치는 영향), 산성비(토양환경에 미치는 영향), 부영양화(수질 및 수자원에 미치는 영향), 광화학 스모그(대기질에 미치는 영향) 등 7가지의 영향범주를 포함하며, 탄소발자국은 탄소발자국(1단계)과 저탄소제품 인증(2단계)으로 구분된다.

한국의 환경성적표시 제도는 해외 각국에서 운영하고 있는 환경성선언 제도인 스웨덴 International EPD, 독일 EPD, 노르웨이 EPD, 미국 EPD, 일본 Eco-leaf, 대만 EPD 등과 동등한 효력을 갖는다.

제1조(목적) 이 약관은 “인증기업”과 “인증기관”의 환경성적표시 인증에 관한 기본적인 권리 및 의무 사항을 정함을 목적으로 한다.

제2조(적용범위) 이 약관은 해당 인증서 상에 기재된 인증내역에 대해서 적용한다.

제3조(준수사항) “인증기업”은 다음의 각 호의 사항을 준수하여야 한다.

- ① 인증제도와 관련된 법규를 항상 준수하여야 한다.
- ② 인증기준에 부합되도록 제품을 생산하여야 한다.
- ③ 인증제품의 생산 및 판매기록을 유지하여야 한다.
- ④ 환경성적표시 도안은 환경성적표 적용기준을 명확히 표기해서 부착하여야 한다.
- ⑤ 인증제도 운영과 관련하여 “인증기관”에서 직접 실시하는 정기 및 특별 사후관리 심사에 협조하여야 한다.
- ⑥ 다음과 같은 인증 관련 변경사항을 지체없이 “인증기관”에게 통보하여야 한다.
 1. 대표자 변경, 상호 변경, 제조공정의 이전 또는 변경, 인증등록 조건의 부도, 영도, 양수 또는 합병, 생산의 중단 및 폐업
 2. 생산공정, 설비, 공법의 변경
- ⑦ “인증기업”은 인증이 종료되거나 취소된 경우 인증 취득사실과 관련된 모든 광고물의 사용을 중지하여야 한다.

제4조(환경성적표시 사용 권한 및 사용 시 유의사항) “인증기업”은 인증제품에 대하여 인증기간 동안 환경성적표시 도안 사용에 대한 권리를 갖는다. 환경성적표시 도안의 사용은 다음 각 항의 내용을 준수하여야 한다.

① 환경성적표시 도안은 「환경성적표시 작성지침」(이하 “작성지침”이라 한다) 별표6에 따라 사용하여야 하며, 「환경성적표시 인증 업무규정」(이하 “업무규정”이라 한다) 제40조(환경성적표시 표시방법 및 형태)를 준수하여야 한다.

② “인증기업”은 제1항과 관련하여 환경성적표시 도안을 표시하거나 환경성적표시에 관한 광고를 할 경우 인증제품 및 설명서, 제품의 포장·용기·홍보물·각종 서식 등에 사용할 수 있다. 다만, 인증제품이 아닌 품목과 함께 선전하는 경우에는 인증제품이 아닌 품목이 인증제품으로 오인되지 않도록 해야 한다.

제5조(배열유지) “인증기업”과 “인증기관”은 업무상 취득한 상호간의 정보는 제3자에게 누설하지 않는다. 이 의무는 인증이 종료된 후에도 유효하지만, 합법적으로 일반화된 정보 또는 업무와 무관하게 합법적으로 취득한 정보는 본 조항의 적용을 받지 않는다.

제6조(인증의 범위) “인증기관”에 “인증기업”에게 부여하는 인증은 “인증기업”의 해당 인증서 상에 기재된 제품에 적용되는 것이며, “인증기업”이 생산하는 제품 전부를 승인·인증하는 것은 아니다.

제7조(인증제품 제출) “인증기업”은 인증을 받은 후 환경성적표시 표시사항 등과 관련하여 환경성적표시 도안에 표시된 인증제품 제출에 대한 “인증기관”의 요청이 있는 경우에는 “인증기관”에게 제출해야 한다. 다만, 제품 특성, 가격 등을 고려할 때 견본제품 제출이 어려운 경우에는 환경성적표시가 표시된 제품 설명서 제출 등으로 대체할 수 있다.

제8조(관련 지침의 변경) “인증기관”은 해당 제품의 작성지침 또는 「저탄소제품 인증지침」이 제·개정 되었을 경우, “인증기업”에게 제·개정된 지침을 통보할 수 있다.

제9조(갱신인증) “인증기업”은 환경성적표시 인증기간을 연장하고자 하는 경우, 인증기간 만료일 90일 전부터 갱신인증을 신청할 수 있다.

제10조(인증내역 변경) “인증기업”은 인증서에 명시된 내용이 변경된 경우에는 변경사유 발생일로부터 30일 이내에 “인증기관”에게 변경사항을 신고하여야 한다. 변경사유 발생일로부터 30일 이내에 변경 또는 재교부 신청을 하지 않아서 발생하는 모든 불이익에 대한 책임은 “인증기업”에게 있다.

제11조(시정요구 및 인증취소) ① “인증기업”에 다음 각 호의 어느 하나에 해당될 경우, “인증기관”은 “인증기업”에게 시정을 요구할 수 있다.

1. 환경성적표시를 인증서의 내용과 달리 사용한 경우
2. 환경성적표시 도안을 작성지침 별표6과 다르게 사용한 경우
3. 제3조와 관련하여 준수사항을 이행하지 아니한 경우
4. 제13조와 관련하여 소비자의 정당한 보상 요구에 응하지 아니한 경우
5. 과징광고(대리점 및 위탁판매 등 유통업체 포함)로 소비자의 판단을 흐리게 할 우려가 있는 경우

② “인증기업”에 다음 각 호의 어느 하나에 해당될 경우 “인증기관”은 “인증기업”의 해당 인증을 취소할 수 있다.

1. 부정한 방법으로 인증을 취득한 경우
2. 인증의 내용과 다른 제품에 환경성적표시를 표시하거나, 환경성적표시 인증서와 다른 내용을 표시하여 유통시키는 경우
3. 인증을 받은 제품을 전제지변이나 그 밖의 부득이한 사유없이 1년 이상 유통시키지 않은 경우

③ 관계법령 및 고시 등에 별도로 처분에 규정된 사항은 해당 처분기준에 따른다.

제12조(관련업무) ① “인증기업”은 인증제품에 대한 인증기간 만료 인증이 취소된 경우에는 소비자가 환경성적표시 인증제품으로 오인할 수 있는 여타의 표시 및 광고를 하여서는 안 된다.

② “인증기업”은 제1항을 이행하지 아니하여 “인증기관”이나 소비자에게 손해를 끼쳤을 경우에는 법에 따른 보상 등 민행사상의 책임을 진다.

제13조(보상책임) 인증제품과 관련하여 소비자와 “인증기관” 사이에서 발생하는 분쟁에 대한 일체의 책임은 “인증기업”에게 있다.

제14조(권리·양도 등 금지) “인증기업”은 인증서에 정한 환경성적표시 사용권한을 제3자에게 영도·전매 또는 대리사용 등의 행위를 하여서는 안 된다.

제15조(이해조정) 이 계약에 정하지 아니한 사항은 “인증기업”과 “인증기관”간 상호 협의 및 업무규정에 따라 결정하되 쌍방의 의견이 상이할 때에는 “인증기관”의 의견을 존중해야 한다.